

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT  
CHẾ BIẾN GỖ TÂN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 155/CVMT-TP

Đồng Nai, ngày 15 tháng 05 năm 2026

V/v giải trình, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường cho cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” tại tổ 50, khu phố Bàu Ké, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai.

**Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai**

1. Chúng tôi là: Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú, Chủ cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” đã thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường và nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng thông tin ngày 03/11/2025 với mã số hồ sơ H19.151-251103-7442, Công ty chúng tôi đã nghiêm túc chỉnh sửa theo đúng yêu cầu của Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường tại Biên bản kiểm tra ngày 28/11/2025 và Công văn số 3480/SNNMT-MT ngày 06/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hiện nay Công ty đã hoàn thiện hồ sơ cấp phép theo đúng yêu cầu và nộp lại kính trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai phê duyệt, vì vậy căn cứ theo khoản 4 Điều 17 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025; khoản 1 Điều 38 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 1 Điều 27 Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025, Công ty chúng tôi xin phép được tiếp tục thực hiện thủ tục và giải quyết hồ sơ theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận. Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú cam kết thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của cơ sở theo đúng quy định hiện hành.

2. Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú là Chủ cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” thuộc nhóm sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp có vốn đầu tư là 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), nên thuộc Nhóm C theo Khoản 3 Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024. Vì vậy Cơ sở có tiêu chí

về môi trường tương đương với dự án nhóm III theo quy định tại mục 2, STT II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025 ND-CP ngày 06/01/2025.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai.

Cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” đã được UBND tỉnh Bình Phước (nay là UBND thành phố Đồng Nai) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số: 3400/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú: Tổ 50, khu phố Bàu Ké, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai (trước đây là tổ 50, Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

4. Địa điểm thực hiện cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm” (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm): Tổ 50, khu phố Bàu Ké, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai (trước đây là tổ 50, Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 2839/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước (nay là UBND thành phố Đồng Nai) về việc chấp nhận chủ trương đầu tư cho Dự án “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup>/năm” do Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Tân Phú (nay là Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú) làm chủ đầu tư;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3801131641 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 21/09/2016 (tên đăng ký lần đầu là Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Tân Phú), đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/07/2023 (tên đăng ký thay đổi là Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú).

5. Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú: (Ông) Nguyễn Đình Tuyên.

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0908931967

6. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: (Ông) Lai Trung Quốc

- Chức vụ: Nhân viên

- Điện thoại: 0338019112

- E-mail: quoclai2302@gmail.com

Chúng tôi xin gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai các hồ sơ bao gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” đã được chỉnh sửa và hoàn thiện theo Biên bản kiểm tra cấp Giấy phép môi trường ngày 28/11/2025; Công văn số 9976/SoNNMT-MT ngày 03/12/2025 và Công văn số 3480/SNNMT-MT ngày 06/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai.

- 01 bản điện tử bao gồm: 01 file báo cáo GPMT đầy đủ bao gồm cả phụ lục định dạng .pdf; 01 file báo cáo GPMT định dạng .word; 01 bản scan công văn đề nghị cấp GPMT kèm theo biên bản giải trình đầy đủ nội dung đã được chỉnh sửa và hoàn thiện theo Biên bản kiểm tra cấp Giấy phép môi trường ngày 28/11/2025; Công văn số 9976/SoNNMT-MT ngày 03/12/2025 và Công văn số 3480/SNNMT-MT ngày 06/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị quý Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai xem xét cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” tại tổ 50, khu phố Bà Ké, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: Công ty, VT

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT  
CHẾ BIẾN GỖ TÂN PHÚ**

**Giám đốc**



**Nguyễn Đình Tuyên**

## PHỤ LỤC

*Các nội dung giải trình và chỉnh sửa, bổ sung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Nhà máy chế biến gỗ công suất 9.600 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: công suất 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm)” – Tổ 50, khu phố Bàu Ké, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai (Kèm theo Công văn số 155./CVMT-TP ngày 15 tháng 05 năm 2026 của Công ty TNHH Sản xuất chế biến gỗ Tân Phú)*

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
A	<b>Chỉnh sửa và hoàn thiện theo Công văn số 3480/SNNMT-MT ngày 06/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).</b>		
1	Chỉnh sửa thống nhất tên cơ sở trong toàn báo cáo “Nhà máy chế biến gỗ - Công suất 9.600 m <sup>3</sup> phôi gỗ/năm (giai đoạn 1: Công suất 3.840 m <sup>3</sup> phôi gỗ/năm)”.	- Đã rà soát và chỉnh sửa thống nhất trong toàn bộ Báo cáo GPMT.	--
2	Tính toán cân bằng nhu cầu sử dụng nước; cụ thể phương án tái sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng, lưu ý: Bảng tính toán nhu cầu sử dụng nước (trang 34) số liệu chưa thống nhất với hóa đơn cấp nước sạch (tháng 8,9) đính kèm phụ lục.	- Đã chỉnh sửa, bổ sung và tính toán cân bằng nước tại Bảng 1.9 và 1.10, Mục 4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước thuộc chương 1 của Báo cáo GPMT.	<b>34-36</b>
3	Theo nội dung Văn bản giải trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Hồ sinh học → Lọc áp lực (02 cột lọc) → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Tuần hoàn nước tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích dội bồn cầu và rửa sàn nhà vệ sinh, tuy nhiên theo nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường chưa thống nhất mục đích tái sử dụng nước là tuần hoàn nước tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích dội bồn cầu (mục 1 bảng 1.11) hay dội bồn cầu và rửa sàn nhà vệ sinh tại các trang khác của báo cáo hay tái sử dụng nước thải cho hệ	- Đã chỉnh sửa và thống nhất trong toàn bộ Báo cáo đề xuất cấp GPMT và bản vẽ mặt bằng thoát nước thải, các bản vẽ có liên quan thành “Tái sử dụng hoàn toàn cho dội nhà vệ sinh, cam kết không xả ra môi trường”.	<b>Phụ lục bản vẽ</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	mặt bằng thoát nước thải).		
4	Làm rõ quy trình vận hành và bổ sung nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.	- Đã bổ sung quy trình vận hành và nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải vào phụ lục Báo cáo GPMT.	<b>Phụ lục báo cáo</b>
5	Nhiên liệu, quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại báo cáo đề xuất cấp phép môi trường nhiên liệu sử dụng là củi khô, tuy nhiên phụ lục của báo cáo có đính kèm quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than, củi, đề nghị làm rõ. Đề nghị rà soát chỉnh sửa cụm từ “tro xỉ” thành “tro củi” cho phù hợp.	- Đã chỉnh sửa rà soát lại phụ lục Báo cáo. - Đã rà soát và chỉnh sửa trong toàn bộ Báo cáo đề xuất cấp GPMT.	--
6	Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh, đề nghị rà soát chỉnh sửa mã chất thải từ: “04 02 06 kí hiệu, phân loại là TT-R” thành “04 02 06 kí hiệu, phân loại là TT” theo đúng quy định.	- Đã chỉnh sửa mã chất thải trong toàn bộ Báo cáo đề xuất cấp GPMT.	<b>84, 109</b>
7	<p><b>- Phụ lục:</b></p> <p>+ Bổ sung hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở với đơn vị có chức năng xử lý.</p> <p>+ Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng giao nhận chất thải năm 2024 và quý I - III/2025 đối với chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt.</p> <p>+ Đối với việc chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty cổ phần Thuận Lợi BP tại hợp đồng số 01062025/HĐMB-TP-TL ngày 01/6/2025 đính kèm phụ lục, đề nghị làm rõ, có minh chứng đảm bảo phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.</p>	<p>- Đã bổ sung hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở với đơn vị có chức năng xử lý.</p> <p>- Đã bổ sung đầy đủ biên bản giao nhận chất thải năm 2024 và quý I - III/2025 đối với chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt.</p> <p>- Đã làm rõ và bổ sung các hồ sơ năng lực của Công ty Cổ phần Thuận Lợi BP để chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường (cụ thể là Gỗ vụn, gỗ sâu bệnh, cong vênh (sản phẩm lỗi trong quá trình sấy, Pallet gỗ hư hỏng).</p> <p>- Đã rà soát lại tất cả mặt bằng tổng thể tại Phụ lục bản vẽ của Báo cáo.</p>	<b>Phụ lục Báo cáo</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	+ Bản vẽ tổng thể mặt bằng: rà soát thể hiện đầy đủ các hạng mục công trình của cơ sở, thể hiện đúng diện tích, tỷ lệ.		
8	Ngoài ra, Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026); Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 đã được ban hành và có hiệu lực, đề nghị chủ cơ sở cập nhật, thực hiện.	- Đã rà soát và cập nhật các quy định về yêu cầu bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành tại Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026); Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.	<b>Toàn bộ báo cáo</b>
<b>B</b>	<b>Chỉnh sửa và hoàn thiện theo Công văn số 9976/SoNNMT-MT ngày 03/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).</b>		
1	Đề nghị chủ dự án rà soát, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 với công suất như báo cáo đề xuất.	- Đã rà soát và chỉnh sửa toàn bộ nội dung báo cáo với giai đoạn 1 công suất bằng 40% công suất so với ĐTM phê duyệt » 3.840 phôi gỗ/năm. - Đã bổ sung căn cứ thực hiện giai	--

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		đoạn của cơ sở theo quy định của pháp luật tại phần mở đầu và Bảng 1.2. Hiện trạng cơ sở, sự phù hợp với chứng nhận đầu tư, tên gọi và phạm vi đề nghị cấp GPMT.	<b>13-16</b>
2	Bổ sung đánh giá rõ sự phù hợp về vị trí thực hiện hoạt động của cơ sở so với các quy hoạch sử dụng đất của địa phương đã được phê duyệt, quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy định về phân vùng môi trường.	- Đã bổ sung đánh giá rõ sự phù hợp về vị trí thực hiện hoạt động của cơ sở so với các quy hoạch sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ và địa phương tại mục 1, chương II của báo cáo.	<b>46-48</b>
3	Làm rõ phương án tái sử dụng nước thải của cơ sở và cơ sở chứng minh đảm bảo phù hợp quy định pháp luật; tính toán có cơ sở cân bằng nhu cầu sử dụng nước; cụ thể phương án tái sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và quy chuẩn áp dụng.	- Đã làm rõ phương án tái sử dụng nước thải của cơ sở và cơ sở chứng minh đảm bảo phù hợp quy định pháp luật; đã tính toán có cơ sở cân bằng nhu cầu sử dụng nước tại bảng 1.10, Chương I của Báo cáo; - Đã tính toán cụ thể phương án tái sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và quy chuẩn áp dụng tại mục 1.2.2. Công trình xử lý nước thải chương III của báo cáo.	<b>36</b>  <b>57-60</b>
4	Đối với các hạng mục công trình thực tế xây dựng (bao gồm cả phần công trình có thay đổi và bố trí vào trong nhà xưởng 1, cần thể hiện cụ thể diện tích, đồng thời làm rõ khi thực hiện 100% công suất thì các hạng mục công trình của dự án sẽ bố trí như thế nào, cần đánh giá sự phù hợp.	- Đã rà soát và bổ sung các hạng mục công trình xây dựng thực tế hoạt động với công suất 40% tại bảng Bảng 1.12. Các hạng mục công trình của Cơ sở thuộc chương I của Báo cáo. - Riêng giai đoạn khi thực hiện 100% công suất theo ĐTM các hạng mục công trình của cơ sở sẽ được đánh giá tác động và đánh giá sự phù hợp theo ĐTM và GPXD tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT ở giai đoạn sau (giai đoạn hoạt động tối đa 100% công suất).	<b>39-42</b>  --

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
5	Rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.</li> </ul>	<b>96-108</b>
6	Mô tả rõ hiện trạng việc bố trí diện tích cây xanh trong phạm vi cơ sở, kèm theo bản vẽ đảm bảo đúng tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã mô tả rõ hiện trạng việc bố trí diện tích cây xanh trong phạm vi cơ sở tại bảng Bảng 1.12. Các hạng mục công trình của Cơ sở thuộc chương I của Báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung bản vẽ đảm bảo đúng tỷ lệ diện tích cây xanh tại phụ Báo cáo.</li> </ul>	<b>39-42</b>  <b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b>
7	Bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất cho hiện tại và khi sản xuất 100% công suất.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất tại Hình 1.18. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ tại cơ sở chương I của báo cáo.</li> </ul>	<b>30</b>
8	Thuyết minh quy trình vận hành lò hơi. Chủ cơ sở phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành lò hơi và chịu trách nhiệm về thông tin thể hiện tại báo cáo. Công khai thông số kỹ thuật, quy trình vận hành lò hơi tại khu vực lò hơi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung quy trình vận hành lò hơi tại mục 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.</li> <li>- Chủ cơ sở cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành lò hơi và chịu trách nhiệm về thông tin thể hiện tại báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung thông số kỹ thuật, lò hơi tại khu vực lò hơi và các thiết bị máy móc liên quan đến lò hơi tại Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của lò hơi cấp nhiệt cho quá trình sấy gỗ và Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.</li> </ul>	<b>65-73</b>  --  <b>65-67</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
9	<p>Đề nghị làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao).</p>	<p>- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chương III của báo cáo.</p> <p>- Cơ sở đã chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định và bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao tại Phụ lục Báo cáo.</p>	<p>79</p> <p><b>Phụ lục 02: Các hợp đồng thu gom và xử lý chất thải</b></p>
10	<p>Vận hành thử nghiệm: chỉnh sửa lại căn cứ đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ cho phù hợp. Đề nghị báo cáo mô tả rõ kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại chương VI của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, trong đó lưu ý: lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm</p>	<p>- Đã chỉnh sửa lại căn cứ đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ cho phù hợp. Báo cáo mô tả rõ kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại chương VI của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, trong đó lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở tại chương VI: Kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình quan trắc môi trường của cơ sở của báo cáo.</p>	<p>123-125</p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.	- Đã bổ sung công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm tại Bảng 6.1. Công trình BVMT và thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm chương VI của báo cáo.	123
11	Rà soát bố trí các công trình môi trường phải đảm bảo khoảng cách an toàn hành lang bảo vệ nguồn nước, phù hợp theo quy định	- Đã rà soát bố trí các công trình môi trường đảm bảo khoảng cách an toàn hành lang bảo vệ nguồn nước đảm bảo các hạng mục đảm bảo khoảng cách an toàn hành lang bảo vệ suối theo quy định thể hiện tại hình ảnh thực tế tại Hình 3.6. Hình ảnh thực tế nhà vệ sinh vị trí và cụm xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu đang hoạt động tại Cơ sở chương III của báo cáo.	61 <b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b>
12	Bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.	- Đã bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT tại mục 6. công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường chương III của báo cáo.  - Cơ sở cũng đã lập Báo cáo phòng ngừa và ứng phó sự cố gửi Sở Công thương để báo cáo và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo quy định đính kèm phụ lục Báo cáo.	84-90  <b>Phụ lục Báo cáo</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
13	Rà soát, chỉnh sửa bổ sung nội dung báo cáo theo ý kiến nhận xét của các thành viên Đoàn kiểm tra (theo bản nhận xét đính kèm).	- Đã rà soát, chỉnh sửa bổ sung nội dung báo cáo theo ý kiến nhận xét của các thành viên Đoàn kiểm tra (theo bản nhận xét đính kèm) tại STT B của Biên bản giải trình này.	--
C	<b>Chỉnh sửa theo Biên bản kiểm tra cấp Giấy phép môi trường ngày 28/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai)</b>		
I	<b>Kết luận của Trưởng đoàn kiểm tra – Ông Trần Tấn Hưng</b>		
1	<p>Tại khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “<i>Trường hợp dự án đầu tư hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình thì giấy phép môi trường có thể cấp cho từng giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải. Giấy phép môi trường được cấp sau sẽ tích hợp nội dung giấy phép môi trường được cấp trước vẫn còn hiệu lực</i>”.</p> <p>Tại điểm a khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định: “<i>a) Chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án</i>”.</p> <p>Theo hồ sơ báo cáo đề xuất, hiện</p>	<p>- Chủ cơ sở rà soát lại các căn cứ pháp lý tại Khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ để thực hiện xây dựng lại Báo cáo đề xuất cấp GPMT theo giai đoạn 1 với công suất 40% tương đương 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm.</p> <p>- Chủ cơ sở tiếp thu ý kiến của Đoàn kiểm tra và căn cứ theo các quy định hiện hành đã rà soát, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 với công suất 40% tương đương 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm.</p> <p>- Đã rà soát và chỉnh sửa toàn bộ nội dung báo cáo với giai đoạn 1 công suất bằng 40% công suất so với ĐTM phê duyệt » 3.840 phôi gỗ/năm.</p>	--

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	<p>hữu Công ty đang hoạt động với công suất hiện hữu là 40%, Công ty chỉ mới xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý triệt để chất thải phát sinh tương ứng với công suất hoạt động của nhà máy.</p> <p>Do vậy, căn cứ quy định nêu trên đề nghị chủ dự án rà soát, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 với công suất như báo cáo đề xuất.</p>		
2	<p>Bổ sung đánh giá rõ sự phù hợp về vị trí thực hiện hoạt động của cơ sở so với các quy hoạch sử dụng đất của địa phương đã được phê duyệt, quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy định về phân vùng môi trường.</p>	<p>- Đã bổ sung đánh giá rõ sự phù hợp về vị trí thực hiện hoạt động của cơ sở so với các quy hoạch sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ và địa phương tại mục 1, chương II của báo cáo.</p>	46-48
3	<p>Rà soát, đánh giá rõ hiện trạng hoạt động của cơ sở, việc đầu tư, vận hành các hạng mục công trình của cơ sở.</p>	<p>- Đã rà soát, đánh giá hiện trạng hoạt động của cơ sở việc đầu tư, vận hành các hạng mục công trình tại Bảng 1.2. Hiện trạng cơ sở, sự phù hợp với chứng nhận đầu tư, tên gọi và phạm vi đề nghị cấp GPMT chương I của báo cáo.</p>	13-16
4	<p>Báo cáo cần làm rõ cơ sở đang hoạt động với bao nhiêu dây chuyền sản xuất; số giờ/ca; ca/ngày; ngày/năm? Công suất trung bình những năm 2024 và 2025 cho các loại sản phẩm.</p>	<p>- Đã bổ sung thời gian hoạt động và công suất sản xuất năm 2024 và năm 2025 tại mục 3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở và Bảng 1.3. Công suất sản xuất của Cơ sở của Báo cáo.</p>	76;16
5	<p>Làm rõ phương án tái sử dụng nước thải của cơ sở và cơ sở chứng minh đảm bảo phù hợp quy định pháp luật; tính toán có cơ sở cân bằng nhu cầu sử dụng nước; cụ thể phương án tái</p>	<p>- Đã làm rõ phương án tái sử dụng nước thải của cơ sở và cơ sở chứng minh đảm bảo phù hợp quy định pháp luật; đã tính toán có cơ sở cân bằng nhu cầu sử dụng nước tại bảng</p>	36

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và quy chuẩn áp dụng.	1.10, Chương I của Báo cáo; - Đã tính toán cụ thể phương án tái sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và quy chuẩn áp dụng tại mục 1.2.2. Công trình xử lý nước thải chương III của báo cáo.	57-60
6	Đối với các hạng mục công trình thực tế xây dựng (bao gồm cả phần công trình có thay đổi và bố trí vào trong nhà xưởng 1, cần thể hiện cụ thể diện tích, đồng thời làm rõ khi thực hiện 100% công suất thì các hạng mục công trình của dự án sẽ bố trí như thế nào? cần đánh giá sự phù hợp.	- Đã rà soát và bổ sung các hạng mục công trình xây dựng thực tế hoạt động với công suất 40% tại bảng Bảng 1.12. Các hạng mục công trình của Cơ sở thuộc chương I của Báo cáo.  - Riêng giai đoạn khi thực hiện 100% công suất theo ĐTM các hạng mục công trình của cơ sở sẽ được đánh giá tác động và đánh giá sự phù hợp theo ĐTM và GPXD tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT ở giai đoạn sau (giai đoạn hoạt động tối đa 100% công suất).	39-42  --
7	Bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất cho hiện tại và khi sản xuất 100% công suất.	- Đã bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất tại Hình 1.18. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ tại cơ sở chương I của báo cáo.	30
8	Thuyết minh quy trình vận hành lò hơi. Chủ cơ sở phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành lò hơi và chịu trách nhiệm về thông tin thể hiện tại báo cáo. Công khai thông số kỹ thuật, quy trình vận hành lò hơi tại khu vực lò hơi.	- Đã bổ sung quy trình vận hành lò hơi tại mục 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.  - Chủ cơ sở cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành lò hơi và chịu trách nhiệm về thông tin thể hiện tại báo cáo.  - Đã bổ sung thông số kỹ thuật, lò hơi tại khu vực lò hơi và các thiết bị máy móc liên quan đến lò hơi tại Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của lò	65-73  --

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		<p>hơi cấp nhiệt cho quá trình sấy gỗ và Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.</p>	65-67
9	<p>Chất thải rắn công nghiệp thông thường: báo cáo có nêu lượng tro xỉ phát sinh từ quá trình đốt củi, đề nghị chỉnh sửa thành “tro củi” cho phù hợp. Ngoài ra, đề nghị làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao).</p>	<p>- Đã rà soát và chỉnh sửa cụm từ “tro xỉ” thành “tro củi” trong toàn bộ Báo cáo đề xuất cấp GPMT.</p> <p>- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chương III của báo cáo.</p> <p>- Cơ sở đã chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định và bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao tại Phụ lục Báo cáo.</p>	<p>--</p> <p>79</p> <p><b>Phụ lục 02: Các hợp đồng thu gom và xử lý chất thải</b></p>
10	<p>Nội dung cấp phép môi trường: rà soát viết lại nội dung đề nghị cấp phép trên cơ sở đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 01 với công suất như báo cáo đề xuất như góp ý nêu trên.</p>	<p>- Đã rà soát, viết lại nội dung đề nghị cấp phép trên cơ sở đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 01 với công suất như báo cáo đề xuất cấp GPMT chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.</p>	96-108

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
11	<p>Vận hành thử nghiệm: Đề nghị chỉnh sửa lại căn cứ đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ cho phù hợp. Đề nghị báo cáo mô tả rõ KHVHTN theo quy định tại chương VI của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, trong đó lưu ý: lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.</p>	<p>- Đã chỉnh sửa lại căn cứ đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ cho phù hợp. Báo cáo mô tả rõ kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại chương VI của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, trong đó lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở tại chương VI: Kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình quan trắc môi trường của cơ sở của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm tại Bảng 6.1. Công trình BVMT và thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm chương VI của báo cáo.</p>	<p>123-125</p> <p>123</p>
12	<p>Đối với chương kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị viết đầy đủ theo quy định tại chương V của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025</p>	<p>- Đã viết lại chương kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị viết đầy đủ theo quy định tại chương V của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 tại Chương V: Kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở của báo cáo.</p>	<p>109 – 122</p>
13	<p>Bổ sung đầy đủ kết quả thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tại cơ sở theo ý kiến góp ý.</p>	<p>- Đã bổ sung đầy đủ kết quả thực hiện quan trắc chất lượng môi trường của cơ sở năm 2024 và năm 2025 tại Phụ lục của Báo cáo.</p>	<p><b>Phụ lục 4: Kết quả quan trắc môi trường</b></p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
14	<p>Bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.</p>	<p>- Đã bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT tại mục 6. công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường chương III của báo cáo.</p> <p>- Cơ sở cũng đã lập Báo cáo phòng ngừa và ứng phó sự cố gửi Sở Công thương để báo cáo và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo quy định đính kèm phụ lục Báo cáo.</p>	<p><b>84-90</b></p> <p><b>Phụ lục Báo cáo</b></p>
15	<p>Đối với các nội dung có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đề nghị nêu rõ các thay đổi nhưng chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi</p>	<p>- Đã bổ sung và làm rõ các nội dung có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đề nghị nêu rõ các thay đổi nhưng chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi tại Bảng 3.8. Các công trình bảo vệ môi trường được điều chỉnh, thay đổi so với ĐTM và mục 7.2. Đánh giá tác động của những nội dung thay đổi so với ĐTM chương III của báo cáo.</p>	<p><b>91-93</b></p>
16	<p>Các nội dung tiếp tục thực hiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề nghị làm rõ vào báo cáo (kể cả giai đoạn thi công và vận hành) của các hạng mục, công trình sản xuất có thay</p>	<p>- Giai đoạn khi thực hiện 100% công suất theo ĐTM các hạng mục công trình của cơ sở sẽ được đánh giá tác động và đánh giá sự phù hợp theo ĐTM và GPXD tại Báo cáo đề</p>	<p>--</p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	đôi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.	xuất cấp GPMT ở giai đoạn sau (giai đoạn hoạt động tối đa 100% công suất).	
17	Bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện đầy đủ các hạng mục công trình của cơ sở cho giai đoạn 1; bản vẽ thu gom nước mưa, nước thải thể hiện rõ hướng, tuyến từ điểm phát sinh về hệ thống xử lý nước thải, vị trí, tọa độ đầu nổi nước mưa, nước thải, các bản vẽ phải rõ ràng, có chữ ký đóng dấu của chủ dự án, đơn vị thiết kế	- Đã bổ sung các bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện đầy đủ các hạng mục công trình của cơ sở cho giai đoạn 1; bản vẽ thu gom nước mưa, nước thải thể hiện rõ hướng, tuyến từ điểm phát sinh về hệ thống xử lý nước thải, vị trí, tọa độ đầu nổi nước mưa, nước thải, các bản vẽ phải rõ ràng, có chữ ký đóng dấu của chủ dự án, đơn vị thiết kế tại phụ lục Báo cáo.	<b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b>
18	Rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng	- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.	<b>96-108</b>
19	Mô tả rõ hiện trạng việc bố trí diện tích cây xanh trong phạm vi cơ sở, kèm theo bản vẽ đảm bảo đúng tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định	- Đã mô tả rõ hiện trạng việc bố trí diện tích cây xanh trong phạm vi cơ sở tại bảng Bảng 1.12. Các hạng mục công trình của Cơ sở thuộc chương I của Báo cáo. - Đã bổ sung bản bản vẽ đảm bảo đúng tỷ lệ diện tích cây xanh tại phụ Báo cáo.	<b>39-42</b> <b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b>
20	Làm rõ các hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải phải theo đúng quy định, có chứng từ, biên bản bàn giao kèm theo.	- Đã bổ sung các các hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải phải theo đúng quy định, có chứng từ, biên bản bàn giao kèm theo tại Phụ lục của báo cáo.	<b>Phụ lục 02: Các hợp đồng thu gom và xử lý chất thải</b>
21	Rà soát bố trí các công trình phải đảm	- Đã rà soát bố trí các công trình môi	

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	bảo an toàn hành lang bảo vệ suối trong sổ đất, phù hợp theo quy định	trường đảm bảo khoảng cách an toàn hành lang bảo vệ nguồn nước di dời các hạng mục ra khỏi hành lang bảo vệ suối theo quy định thể hiện tại hình ảnh thực tế tại Hình 3.6. Hình ảnh thực tế nhà vệ sinh di dời vị trí và cụm xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu đang hoạt động tại Cơ sở chương III của báo cáo.	<b>61</b> <b>Phụ lục 05:</b> <b>Bản vẽ</b>
22	Cải tạo, khắc phục đối với các công trình bảo vệ môi trường như các góp ý của thành viên Đoàn kiểm tra.	- Đã cải tạo và khắc phục đối với các công trình bảo vệ môi trường như các góp ý của thành viên Đoàn kiểm tra và đính kèm hình ảnh tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT.	--
<b>II</b>	<b>Ông Đinh Xuân Thắng – PGS.TS, Giám đốc Trung Tâm nghiên cứu và ứng dụng môi trường Hoa Lư</b>		
1	Báo cáo cần làm rõ cơ sở đang hoạt động với bao nhiêu dây chuyền sản xuất; số giờ/ca; ca/ngày; ngày/năm? Công suất trung bình những năm 2024 và 2025 cho các loại sản phẩm; công suất xin cấp phép để khẳng định rõ phạm vi của Báo cáo.	- Đã bổ sung dây chuyền sản xuất; số giờ/ca; ca/ngày; ngày/năm và công suất sản xuất trung bình năm 2024 và năm 2025 tại mục 3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở và Bảng 1.3. Công suất sản xuất của Cơ sở của Báo cáo. - Đã rà soát và làm rõ công suất xin cấp GPMT tại Bảng 1.2. Hiện trạng cơ sở, sự phù hợp với chứng nhận đầu tư, tên gọi và phạm vi đề nghị cấp GPMT chương I của báo cáo.	<b>76;16</b>  <b>13-16</b>
2	Bổ sung thêm hình ảnh minh họa nguyên liệu; nhà xưởng; hạ tầng kỹ thuật; các công ty hoặc dân cư xung quanh theo các hướng khác nhau.	- Đã bổ sung thêm hình ảnh minh họa nguyên liệu; nhà xưởng; hạ tầng kỹ thuật; các công ty hoặc dân cư xung quanh theo các hướng khác nhau tại Hình 1.3. Một số hình ảnh thực tế các đối tượng kinh tế xã hội chương I của báo cáo.	<b>17</b>
3	Bổ sung chi tiết hơn về lò hơi, bao	- Đã bổ sung quy trình vận hành lò	<b>65-73</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	gồm: nhãn mác; xuất sứ của nơi sản xuất; công nghệ đốt của lò hơi: đốt ghi tĩnh hay động; việc cấp nhiên liệu vào lò và cấp khí như thế nào? cấp theo mẻ hay cấp liên tục; khối lượng mỗi lần cấp; vệ sinh; thu gom tro xỉ; quy trình vận hành như thế nào? các quạt cấp gió và hút khí thải có sử dụng biến tần không?	<p>hơi tại mục 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung thông số kỹ thuật, lò hơi tại khu vực lò hơi và các thiết bị máy móc liên quan đến lò hơi tại Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của lò hơi cấp nhiệt cho quá trình sấy gỗ và Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.</p>	<b>65-67</b>
4	Về công nghệ sản xuất: Mô tả chi tiết hơn công nghệ sản xuất; Bổ sung chi tiết quy trình sấy gỗ; nhiệt độ và thời gian sấy; sấy trực tiếp hay gián tiếp? Với quy trình ngâm tẩm cũng cần làm rõ hơn quá trình ngâm tẩm có xảy ra quá trình phản ứng hoá học; diệt khuẩn ... như thế nào? nếu cứ tái sử dụng hoài chất lượng nước ngâm tẩm có đáp ứng theo yêu cầu không?	<p>- Đã bổ sung chi tiết công nghệ sản xuất tại Hình 1.3. Quy trình sản xuất phiêu gỗ hiện hữu tại Cơ sở (kèm theo thuyết minh chi tiết) tại chương I của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung thời gian sấy, nhiệt độ sấy và cách thức sấy tại Hình 1.11. Quy trình sấy gỗ (kèm theo thuyết minh chi tiết) tại chương I của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung và làm rõ từng bước cụ thể chi tiết của quy trình ngâm tẩm gỗ tại Hình 1.6. Quy trình pha hóa chất ngâm tẩm gỗ (kèm theo thuyết minh chi tiết) tại Chương I của Báo cáo.</p>	<b>17</b> <b>21</b> <b>19</b>
5	Bổ sung hình ảnh nhiên liệu sẽ dùng cho đốt lò hơi.	- Đã bổ sung hình ảnh nhiên liệu đốt dùng lò hơi tại Hình 1.16. Hình ảnh thực tế đã bố trí mái che nguyên liệu sản xuất và Hình 1.17. Khu vực phơi củi trước khi đốt cấp nhiệt cho lò hơi củi nhiên liệu sử dụng cho lò hơi và chương I của báo cáo.	<b>25-26</b>
6	Bổ sung mô tả quy mô; công suất; công nghệ của hệ thống làm mềm nước cho lò hơi; đính kèm thiết bị và	- Đã bổ sung mô tả quy mô; công suất; công nghệ của hệ thống làm mềm nước cho lò hơi, thiết bị phục	<b>67</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	hoá chất.	vụ hệ thống làm mềm nước tại Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.	
7	Trang 37: Tính lại nhu cầu dùng nước với đầy đủ các nguồn sử dụng; báo cáo chỉ tính phần bù cho bay hơi và chưa tính cho lưu lượng lớn nhất; vì vậy lượng nước thải cũng chưa tính đúng; chỉnh sửa lại bảng 1.10; 1.11; với tháp rửa cần làm rõ hệ số phun/1 m <sup>3</sup> khí thải; tính ra nhu cầu dùng nước; lưu ý khi xả cặn bùn; nước thải này có khả năng lắng như thế nào để tái sử dụng 1 năm thải 1 lần.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tính lại và bổ sung chỉnh sửa nhu cầu dùng nước với đầy đủ các nguồn sử dụng và chỉnh sửa lại bảng 1.10 và 1.11 tại mục 4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước chương I của báo cáo.</li> <li>- Đã rà soát và bổ sung hệ số phun của tháp phun rửa tại Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải nôi hơi tại Chương III của Báo cáo.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>36-37</b></p> <p style="text-align: center;"><b>72</b></p>
8	Với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như đề xuất và công nghệ xử lý khí thải của lò hơi không thể cho chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT và QCVN 19:2024/BTNMT; nhất là với CO; bụi; NO <sub>x</sub> khi áp dụng theo ô xy tham chiếu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ cơ sở dành khu vực để phơi củi trước khi cấp liệu cho lò đốt nên làm giảm độ ẩm trong củi hạn chế phát sinh và kiểm soát nồng độ khí CO phát sinh trong nguồn thải.</li> <li>- Chủ cơ sở đã rà soát và áp dụng quy chuẩn phù hợp với mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý của cơ sở.</li> </ul>	--
9	Bảng 1.11: So sánh với QCVN 05:2023/BTNMT là chưa hợp lý	- Đã rà soát và chỉnh sửa lại quy chuẩn so sánh tại bảng 1.11.	<b>37</b>
10	Bổ sung kết quả giám sát của khí thải sau xử lý khí thải 2024 và quý I - III/2025	Đã bổ sung đầy đủ kết quả thực hiện quan trắc chất lượng môi trường của cơ sở năm 2024 và năm 2025 tại Phụ lục của Báo cáo.	<b>Phụ lục 4: Kết quả quan trắc môi trường</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
11	<p>Bổ sung sơ đồ thu gom nước mưa; mô tả chi tiết hệ thống thu gom; thoát nước mưa và nước thải; liệt kê chi tiết khối lượng; kích thước các tuyến ống đã xây dựng; xác định rõ có bao nhiêu điểm xả; bổ sung hình ảnh kèm toạ độ điểm xả.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung sơ đồ thu gom nước mưa; mô tả chi tiết hệ thống thu gom; thoát nước mưa tại Hình 3.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa tại Cơ sở và Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở tại chương III của Báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung sơ đồ thu gom và xử lý nước thải và các thông tin chi tiết về hệ thống tuyến ống thu gom tại Hình 3.5. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt hiện hữu tại Cơ sở và Bảng 3.2. Hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt tại Cơ sở chương II của Báo cáo;</li> <li>- Đã bổ sung hình ảnh kèm toạ độ điểm xả nước mưa Hình 3.2. Hình ảnh thực tế mạng lưới thu gom nước mưa tại Cơ sở tại chương III của báo cáo.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>17;55</b></p> <p style="text-align: center;"><b>59-72</b></p> <p style="text-align: center;"><b>56</b></p>
12	<p>Với nước thải sinh hoạt: thực tế chỉ có 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm không nên thiết kế hệ thống xử lý nước thải với công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm vì hoạt động không hiệu quả khi lưu lượng quá nhỏ; chính vì vậy nước thải sau xử lý sẽ không thể đạt QCVN 40:2025/BTNMT; Nước thải này nên thuê các đơn vị có chức năng hút hầm cầu thu gom và xử lý.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ cơ sở thực hiện cải tạo và tái sử dụng nước thải sau xử lý với quy trình như sau: Nước thải sinh hoạt ® Bể tự hoại 03 ngăn ® Hồ sinh học ® Lọc áp lực (03 cột lọc) ® Hồ chứa nước thải sau xử lý ® Tái sử dụng hoàn toàn cho đội nhà vệ sinh, cam kết không xả ra môi trường.</li> <li>- Công suất cụm xử lý tuy nhỏ nhưng chủ cơ sở lắp đặt và vận hành ổn định, hơn hết mục đích tái sử dụng nước chỉ để dội bồn cầu nên yêu cầu chất lượng đầu ra đạt Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.</li> </ul>	--
13	<p>Bổ sung sơ đồ thu gom nước thải; liệt kê chi tiết khối lượng; kích thước</p>	<p>- Đã bổ sung sơ đồ thu gom và xử lý nước thải và các thông tin chi tiết về</p>	<b>59-72</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	các tuyến ống đã xây dựng thu gom nước thải sản xuất và tái sử dụng; các bể lưu chứa.	hệ thống tuyến ống thu gom tại Hình 3.5. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt hiện hữu tại Cơ sở và Bảng 3.2. Hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt tại Cơ sở chương II của Báo cáo;	
14	Bổ sung tính toán các thiết bị Xyclon; tháp rửa khí rỗng; chiều cao ống thải tối thiểu cho từng hệ thống.	- Đã bổ sung thông số kỹ thuật của các thiết bị Xyclon; tháp rửa khí rỗng; chiều cao ống thải tối thiểu cho từng hệ thống tại Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải nôi hơi tại Chương III của Báo cáo.	72
15	Vẽ lại hình 3.7; 3.8 cho đầy đủ sơ đồ công nghệ xử lý khí thải với các công trình: bơm nước; bể chứa nước; bể lắng cặn; đường xả cặn	- Đã vẽ lại hình 3.7; 3.8 cho đầy đủ sơ đồ công nghệ xử lý khí thải với các công trình: bơm nước; bể chứa nước; bể lắng cặn; đường xả cặn tại Hình 3.9. Quy trình xử lý nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi tại cơ sở và Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi hiện hữu chương III của báo cáo.	63;70
16	Mô tả chi tiết công nghệ xử lý khí thải; giải trình rõ hệ số phun; tính hiệu suất xử lý bụi qua Xyclon và tháp rỗng; Giải trình rõ biện pháp giảm thiểu CO; Quy trình vận hành của hệ thống.	- Đã bổ sung chi tiết công nghệ xử lý khí thải; giải trình rõ hệ số phun; tính hiệu suất xử lý bụi qua Xyclon và tháp rỗng; Giải trình rõ biện pháp giảm thiểu CO; Quy trình vận hành của hệ thống tại 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.	65-73
17	Bảng 3.3: bổ sung lập bảng liệt kê chi tiết cho từng công trình xử lý khí thải với đầy đủ các thông tin chi tiết: quy mô; kích thước tuyến ống; số ống hút; Lưu lượng khí thải thực tế; quạt gió và bơm nước (lưu lượng; công suất điện; cột áp); kích thước	- Đã bổ sung lập bảng liệt kê chi tiết cho từng công trình xử lý khí thải với đầy đủ các thông tin chi tiết: quy mô; kích thước tuyến ống; số ống hút; Lưu lượng khí thải thực tế; quạt gió và bơm nước tại Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật thiết bị của công	72

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	các thiết bị; hệ số phun lít/1 m <sup>3</sup> khí thải cho các thiết bị rửa khí rỗng; tính chiều cao và đường kính ống thải tối thiểu; các bể chứa nước; các bể lắng cặn; (rất nhiều thiết bị không có kích thước cụ thể mặc dù đã liệt kê);	trình xử lý bụi, khí thải nổi hơi chương III của Báo cáo.	
18	Với tro xỉ: cần giải trình rõ từ công nghệ của lò hơi; độ tro của gỗ; tính lại lượng tro xỉ; tro bay; báo cáo tính lượng tro xỉ chỉ chiếm 2 % so với nguyên liệu đầu vào là chưa hợp lý; (trang 74).	- Đã tính toán lại lượng tro củi tại bảng Bảng 1.7. Bảng cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ hiện hữu tại nhà máy và Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh và các nội dung về tro củi trong toàn bộ báo cáo.	31, 79
19	Bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất cho hiện tại và khi sản xuất 100% công suất.	- Đã bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất tại Hình 1.18. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ tại cơ sở chương I của báo cáo.	30
20	Rà soát lại khối lượng các loại chất thải; nhất là tro xỉ.	- Bảng 1.7. Bảng cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ hiện hữu tại nhà máy và Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh và các nội dung về tro củi trong toàn bộ báo cáo.	31, 79
21	Bổ cấp phép cho hệ thống xử lý nước thải 2 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	- Đã rà soát và chỉnh sửa thành “Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý được tái sử dụng hoàn toàn cho đội nhà vệ sinh, cam kết không xả ra môi trường; nước thải sản xuất (gồm nước thải từ quá trình ngâm tẩm gỗ và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi) được ký hợp đồng với đơn vị có	--

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		chức năng thu gom, xử lý theo quy định; chủ cơ sở không xả nước thải sau xử lý trực tiếp ra môi trường).”	
22	Cập nhật lại các QCVN về tiếng ồn cho phù hợp; xem xét lại việc áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT.	- Đã cập nhật lại QCVN về tiếng ồn và độ rung thành QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.	--
23	Bổ sung nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải.	- Đã bổ sung nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải tại Phụ lục của Báo cáo.	<b>Phụ lục Báo cáo</b>
24	Bổ sung minh chứng giao nhận các loại chất thải nguy hại năm 2024 và 2025.	- Đã bổ sung hợp đồng và chứng từ giao nhận chất thải nguy hại năm 2024 và 2025.	<b>Phụ lục 02: Các hợp đồng thu gom và xử lý chất thải</b>
25	Bổ sung chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm: Vị trí; tần suất; thông số; toạ độ điểm lấy mẫu cho từng hệ thống xử lý khí thải.	- Đã bổ sung chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm: Vị trí; tần suất; thông số; toạ độ điểm lấy mẫu cho từng hệ thống xử lý khí thải tại chương VI: Kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình quan trắc môi trường của cơ sở của báo cáo.	<b>123-125</b>
26	Thay thế các QCVN trong các cam kết khí thải; tiếng ồn cho phù hợp.	- Đã rà soát và cập nhật các QCVN trong toàn bộ Báo cáo.	--
27	Bổ sung cam kết công khai Giấy phép môi trường	- Đã bổ sung cam kết công khai Giấy phép môi trường tại chương VII.	<b>126</b>
28	Rà soát; bổ sung đầy đủ các bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng cơ sở; tổng mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải; có các vị trí xả thải kèm theo toạ độ.	- Đã rà soát; bổ sung đầy đủ các bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng cơ sở; tổng mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải; có các vị trí xả thải kèm theo toạ độ tại phụ lục đính kèm theo Báo cáo.	<b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
29	Bổ sung đầy đủ bản vẽ hoàn công các hệ thống xử lý khí thải như góp ý ở trên kèm theo hình ảnh minh họa và biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung đầy đủ bản vẽ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở tại phụ lục đính kèm theo Báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung hình ảnh các công trình bảo vệ môi trường tại chương III của Báo cáo.</li> <li>- Đã rà soát và bổ sung biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình bảo vệ môi trường tại phụ lục của Báo cáo.</li> </ul>	<b>Phụ lục 05:</b> <b>Bản vẽ</b>  <b>54-83</b>  --
30	Đầu tư bổ sung hệ thống làm mềm nước cho lò hơi với quy mô; công suất; công nghệ phù hợp cho tiêu chuẩn cấp nước cho lò hơi.	- Đã bổ sung mô tả quy mô; công suất; công nghệ của hệ thống làm mềm nước cho lò hơi, thiết bị phục vụ hệ thống làm mềm nước tại Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.	<b>67</b>
31	Lưu ý: Nên dành diện tích để phơi củi vụn; củi bìa thành củi khô sử dụng cho lò hơi.	- Chủ cơ sở đã bố trí khu vực phơi củi để cấp cho lò đốt đảm bảo kiểm soát khí CO của dòng khí thải được đính kèm hình ảnh cụ thể tại Hình 1.17. Khu vực phơi củi trước khi đốt cấp nhiệt cho lò hơi.	<b>26</b>
32	<b>Kết luận:</b> Đồng ý cấp phép sau khi bổ sung; điều chỉnh như góp ý ở trên; có hình ảnh minh họa; kết quả mẫu giám sát nước thải và khí thải sau khi điều chỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ cơ sở cam kết những nội dung chỉnh sửa giải trình tại báo cáo và biên bản giải trình này là đúng sự thật kính đề nghị quý cơ quan ban ngành xem xét cấp GPMT cho Công ty.</li> <li>- Chủ cơ sở đã đính kèm đầy đủ pháp lý và hình ảnh tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT.</li> </ul>	--
<b>III</b>	<b>Bà Phan Thị Phẩm – Tiến sĩ, Trường Đại học Lạc Hồng</b>		
1	Làm rõ cơ sở pháp lý về thời điểm	- Đã làm rõ và có các căn cứ pháp lý	<b>1-4</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	lập báo cáo đề xuất giấy phép môi trường (theo quy định, thời hạn cơ sở phải có giấy phép môi trường là khi nào? Các văn bản pháp lý liên quan để đảm bảo sự phù hợp để đề xuất cấp phép môi trường).	kèm theo về tiến độ, trình tự thực hiện thủ tục cấp GPMT tại phần Mở đầu của Báo cáo.	
2	Phạm vi cấp phép: làm rõ hiện trạng sản xuất, máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình so với ĐTM và thống nhất phạm vi, công suất cấp phép. Rà soát thông tin trang 17, có cho thuê xưởng, vậy phạm vi, công suất cấp phép như thế nào so với 100% công suất của ĐTM phê duyệt và pháp lý về cho thuê xưởng).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã làm rõ hiện trạng sản xuất, máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình so với ĐTM và thống nhất phạm vi, công suất cấp phép tại Bảng 1.2. Hiện trạng cơ sở, sự phù hợp với chứng nhận đầu tư, tên gọi và phạm vi đề nghị cấp GPMT, chương I của báo cáo.</li> <li>- Đã rà soát thông tin và cập nhật lại nội dung về cho thuê nhà xưởng trong toàn bộ Báo cáo, hiện tại Công ty đã thực hiện sản xuất không tiến hành cho thuê nhà xưởng.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>13-16</b></p> <p style="text-align: center;">--</p>
3	Làm rõ các hạng mục công trình và cập nhật bản vẽ hoàn công hiện trạng. Rà soát, làm rõ lý do những hạng mục dự kiến mở rộng nếu có (kiểm tra bản vẽ đính kèm) và làm rõ tính pháp lý về môi trường liên quan các hạng mục này.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung đầy đủ các hạng mục công trình, cập nhật bản vẽ hoàn công hiện trạng và tính pháp lý về môi trường liên quan các hạng mục này tại phụ lục bản vẽ và toàn bộ nội dung của báo cáo.</li> </ul>	<b>Phụ lục Báo cáo</b>
4	Công đoạn ngâm tẩm: Làm rõ thành phần, nồng độ và việc pha hóa chất cho ngâm tẩm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung và làm rõ từng bước cụ thể chi tiết của quy trình ngâm tẩm gỗ tại Hình 1.6. Quy trình pha hóa chất ngâm tẩm gỗ (kèm theo thuyết minh chi tiết) tại Chương I của Báo cáo.</li> </ul>	<b>19</b>
5	Công đoạn sấy: + Bổ sung cấu tạo, vận hành lò đốt, đặc tính nhiên liệu đốt (có sậy, bã, ... trước khi đốt vì liên quan đến khí thải phát sinh).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung cấu tạo, vận hành lò đốt, đặc tính nhiên liệu đốt tại mục 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.</li> </ul>	<b>65-73</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	<p>+ Mô tả rõ kiểu sấy (chân không, gián tiếp hay trực tiếp vì liên quan đến thoát nhiệt, khí thải từ sấy và nước nổi hơi tuần hoàn).</p> <p>+ Làm rõ nhiệt độ sấy, thời gian sấy (trang 26: sấy 10 ngày nhưng chế độ làm việc thì 1 ca/ngày ® làm rõ nguồn cấp nhiệt).</p> <p>+ Bảng tính toán khối lượng gỗ nguyên liệu, phôi gỗ qua các công đoạn trang 33: rà soát, tính toán lại khối lượng phôi gỗ bán thành phẩm sau mỗi công đoạn cho hợp lý, cần có số liệu kỹ thuật về độ ẩm để, trọng lượng để quy đổi (sau ngâm tẩm nhưng khối lượng phôi gỗ bán thành phẩm không tăng; dung dịch hóa chất ngâm tẩm thải bỏ định kỳ = 6 m<sup>3</sup>, lớn hơn khối lượng đầu vào = 4,5 tấn/năm ® hóa chất sử dụng, pha, châm thêm như thế nào? sau sấy nhưng khối lượng phôi gỗ không giảm).</p> <p>+ Hóa chất sử dụng: rà soát danh mục và cung cấp đầy đủ các thành phần trong hóa chất (BCP là gì? NaOCl và Ca(OCl)<sub>2</sub> được sử dụng như thế nào cho mục đích khử trùng?).</p>	<p>- Đã mô tả rõ quá trình sấy gỗ bằng sơ đồ quy trình và thuyết minh cụ thể tại Hình 1.11. Quy trình sấy gỗ chương I của báo cáo.</p> <p>- Đã làm rõ nhiệt độ sấy, thời gian sấy tại mục 3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở chương I của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung tính toán khối lượng gỗ nguyên liệu, phôi gỗ qua các công đoạn và bổ sung hóa chất sử dụng tại Hình 1.18. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ tại cơ sở và Bảng 1.7. Bảng cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ hiện hữu tại nhà máy chương I của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung quy trình pha hóa chất và định lượng hóa chất tại Hình 1.8. Hình ảnh thực tế pha hóa chất tại cơ sở (kèm theo thuyết minh cụ thể).</p> <p>- Đã bổ sung danh mục hóa chất và cung cấp đầy đủ các thành phần trong hóa chất tại Bảng 1.6. Thành phần, tính chất đặc trưng hóa chất sử dụng tại Cơ sở chương I của báo cáo.</p>	<p><b>21</b></p> <p><b>17-24</b></p> <p><b>30-32</b></p> <p><b>20</b></p> <p><b>28-30</b></p>
6	<p>Máy móc thiết bị: Bổ sung năm sản xuất máy móc, thiết bị.</p>	<p>- Đã bổ sung năm sản xuất, số lượng máy móc thiết bị của cơ sở tại Bảng 1.13. Danh mục máy móc, thiết bị đang sử dụng hiện hữu với công suất 40% tại nhà máy chương I của báo cáo.</p>	<p><b>44</b></p>
7	<p>Đảm bảo tách riêng hệ thống thu</p>	<p>- Đã rà soát; bổ sung đầy đủ các bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng cơ sở;</p>	<p><b>Phụ lục 05:</b></p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	gom, thoát nước mưa, nước thải.	tổng mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải; có các vị trí xả thải kèm theo toạ độ tại phụ lục đính kèm theo Báo cáo.	<b>Bản vẽ</b>
8	Làm rõ công trình, thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, nước rỉ từ bãi chứa gỗ và củi băm vào mùa mưa hoặc biện pháp đảm bảo không phát sinh nước mưa chảy qua/thấm từ bãi gỗ/củi.	- Đã làm rõ công trình, thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, nước rỉ từ bãi chứa gỗ và củi băm vào mùa mưa hoặc biện pháp đảm bảo không phát sinh nước mưa chảy qua/thấm từ bãi gỗ/củi tại mục 1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa chương III của báo cáo.	<b>54-56</b>
9	Tính toán cụ thể lượng nước sử dụng cho các mục đích và thực hiện cân bằng nước với các dòng tái sử dụng, đảm bảo không xả thải nước thải (sau xử lý) và đất.	- Đã bổ sung lượng nước sử dụng cho các mục đích và thực hiện cân bằng nước với các dòng tái sử dụng, đảm bảo không xả thải nước thải (sau xử lý) và đất tại mục 4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước chương I của báo cáo.	<b>34-36</b>
10	Làm rõ nhu cầu xử lý nước cho nồi hơi để đảm bảo hiệu quả, an toàn của nồi hơi.	- Đã làm rõ nhu cầu xử lý nước cho nồi hơi để đảm bảo hiệu quả, an toàn của nồi hơi tại Hình 3.10. Hình ảnh thực tế lò hơi và hệ thống cấp nước lò hơi tại cơ sở và Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.	<b>67</b>
11	Hệ thống xử lý nước thải: Làm rõ cơ sở, minh chứng/biện pháp kiểm soát việc xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 14:2025/BTNMT để tái sử dụng	- Chủ cơ sở thực hiện việc kiểm soát nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2025/BTNMT bằng cách quan trắc nước thải định kỳ và chứng minh tại chương V: Kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.	<b>109-122</b>
12	Tính toán nhu cầu nhiệt cho sấy để tính toán công suất nồi hơi cũng như lượng củi gỗ cần đốt, từ đó tính toán	- Đã bổ sung tính toán công suất của hệ thống xử lý khí thải lò hơi để có biện pháp giảm thiểu thích hợp tại	<b>65-73</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	lượng khí cần cung cấp và lưu lượng khí thải phát sinh cũng như nồng độ các thành phần ô nhiễm trong khí, tính ra công suất và xác định công nghệ xử lý. Lưu ý, công suất quạt hút khác với công suất hệ thống thu gom, xử lý.	tại mục 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.	
13	Làm rõ có đập nước tại cyclon lọc bụi không, nếu có thì gọi cyclon đập bụi, nếu không thì chỉnh sửa từ ngữ cho đúng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát cyclone lọc bụi khô trong toàn bộ Báo cáo báo cáo.</li> <li>- Hiện hữu cơ sở sử dụng cyclone lọc bụi khô không có đập nước.</li> </ul>	--
14	Làm rõ mục đích, chức năng của tháp khô (đập bụi hay xử lý SO <sub>2</sub> hay cả hai hay chỉ giải nhiệt?). Kiểm tra lượng nước dùng cho tháp khô, lượng nước thất thoát và lượng nước còn giữ lại và khả năng tích giữ nước thải từ tháp khô để định kì thải như CTNH. Lưu ý, do cộng dồn nên lượng CTNH này khá lớn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã làm rõ mục đích, chức năng của tháp khô tại 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung lượng nước dùng cho tháp khô, lượng nước thất thoát và lượng nước còn giữ lại và khả năng tích giữ nước thải từ tháp khô tại mục 4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước chương I của báo cáo.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>65-73</b></p> <p style="text-align: center;"><b>34-36</b></p>
15	Rà soát, thống nhất hệ số kv, kp của cơ sở.	- Đã rà soát, thống nhất hệ số kv, kp của cơ sở trong toàn bộ Báo cáo.	--
16	Bổ sung đầy đủ thông số kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật của hệ thống	- Đã rà soát; bổ sung đầy đủ các bản vẽ kỹ thuật của hệ thống tại phụ lục đính kèm theo Báo cáo.	<b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b>
17	Bổ sung thông tin về nguồn phát sinh ồn và mức độ ồn	- Đã bổ sung đầy đủ các nguồn phát sinh tiếng ồn và mức độ ồn tại mục 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung chương IV của báo cáo.	<b>100-101</b>
18	Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: Đảm bảo việc phân loại, lưu giữ CTR thông thường cũng như bố trí khu vực lưu	- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	<b>79</b>



STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	Khí thải: rà soát, cập nhật công suất hệ thống xử lý khí thải. Chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH: cập nhật danh mục, khối lượng phát sinh.	thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.	
23	<b>Kết luận:</b> Đồng ý thông qua sau khi chỉnh sửa, bổ sung các nội dung góp ý và theo ý kiến của Đoàn kiểm tra.	- Chủ cơ sở cam kết những nội dung chỉnh sửa giải trình tại báo cáo và biên bản giải trình này là đúng sự thật kính đề nghị quý cơ quan ban ngành xem xét cấp GPMT cho Công ty.	--
<b>IV</b>	<b>Ông Nguyễn Hồng Phong – Đại diện Sở Công thương</b>		
1	Rà soát, bổ sung tất cả danh mục hóa chất được sử dụng trong Nhà máy.	- Đã rà soát, bổ sung tất cả danh mục hóa chất được sử dụng trong Nhà máy và thành phần từng loại hóa chất Bảng 1.5. Danh mục và khối lượng hóa chất, nhiên liệu sử dụng và Bảng 1.6. Thành phần, tính chất đặc trưng hóa chất sử dụng tại Cơ sở chương I của báo cáo.	<b>28-30</b>
2	Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Có biện pháp giảm thiểu hoặc hạn chế hơi hóa chất tại khu vực ngâm tẩm hóa chất vào sản phẩm gỗ.	- Đã bổ sung biện pháp giảm thiểu hoặc hạn chế hơi hóa chất tại khu vực ngâm tẩm hóa chất vào sản phẩm gỗ tại mục 2.4. Biện pháp giảm thiểu hơi hóa chất trong quá trình ngâm tẩm gỗ chương III của báo cáo.	<b>74</b>
3	Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đúng theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	- Đã bổ sung biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đúng theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ tại chương III của báo cáo.  - Cơ sở cũng đã lập Báo cáo phòng ngừa và ứng phó sự cố gửi Sở Công thương để báo cáo và thực hiện các	<b>84-90</b>  <b>Phụ lục Báo cáo</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		biện pháp ứng phó sự cố theo quy định đính kèm phụ lục Báo cáo.	
4	<b>Kết luận:</b> Đồng ý thông qua sau khi rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo theo ý kiến góp ý của các thành viên Đoàn kiểm tra.	- Chủ cơ sở cam kết những nội dung chỉnh sửa giải trình tại báo cáo và biên bản giải trình này là đúng sự thật kính đề nghị quý cơ quan ban ngành xem xét cấp GPMT cho Công ty.	--
<b>VI</b>	<b>Bà Phạm Thị Chinh – Chuyên viên phòng Kinh tế xã Đồng Phú</b>		
1	Đề nghị cập nhật lại địa chỉ của dự án cho đúng theo địa chỉ mới: Tổ 50, thôn Bàu Ké, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.	- Đã cập lại địa chỉ của dự án cho đúng theo địa chỉ mới trong toàn bộ báo cáo.	--
2	Rà soát tất cả các nguồn thải, dòng phát sinh bụi, khí thải để đề xuất cấp phép cho phù hợp và vận hành đảm bảo hiệu quả.	- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.	<b>96-108</b>
3	Rà soát toàn bộ báo cáo và các ý kiến của thành viên Đoàn kiểm tra để chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ, đúng quy định.	- Đã rà soát toàn bộ báo cáo và các ý kiến của thành viên Đoàn kiểm tra để chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ, đúng quy định.	--
4	Đề nghị xem xét ý kiến của thành viên Đoàn kiểm tra; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các nội dung đề nghị cấp phép môi trường theo quy định.	- Đã bổ sung đầy đủ các nội dung đề nghị cấp phép môi trường theo quy định.	--
5	Đề nghị rà soát các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo theo ý kiến của Đoàn kiểm tra.	- Đã rà soát các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo theo ý kiến của Đoàn kiểm tra.	--
6	Đề nghị Chủ dự án trong quá trình hoạt động phải thực hiện đúng các	- Chủ dự án cam kết trong quá trình hoạt động phải thực hiện đúng các	--

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	biện pháp bảo vệ môi trường, đặc biệt là thu gom, xử lý bụi, khí thải, chất thải rắn.	biện pháp bảo vệ môi trường, đặc biệt là thu gom, xử lý bụi, khí thải, chất thải rắn.	
7	<b>Kết luận:</b> Đồng ý kiến nghị cấp giấy phép môi trường sau khi chỉnh sửa bổ sung và khắc phục các tồn tại, hạn chế	- Chủ cơ sở cam kết những nội dung chỉnh sửa giải trình tại báo cáo và biên bản giải trình này là đúng sự thật kính đề nghị quý cơ quan ban ngành xem xét cấp GPMT cho Công ty.	--
<b>VII</b>	<b>Ông Nguyễn Gia Bảo – Chuyên viên phòng Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai</b>		
1	Đề nghị rà soát, đánh giá tình trạng hoạt động (độ bền) đối với các dây chuyền, máy móc phục vụ hoạt động, sản xuất tại cơ sở phù hợp theo thực tế (báo cáo đang thể hiện tất cả thông tin là 100% là chưa hợp lý).	- Đã rà soát và cập nhật lại tình trạng hoạt động đối với các dây chuyền, máy móc phục vụ hoạt động, sản xuất tại chương Bảng 1.13. Danh mục máy móc, thiết bị đang sử dụng hiện hữu với công suất 40% tại nhà máy thuộc chương I của báo cáo.	<b>44</b>
2	Rà soát, cân bằng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào và hóa chất sử dụng để làm cơ sở nhận diện đầy đủ, tính toán khối lượng chất thải phát sinh thực tế (khi cơ sở hoạt động 100% công suất).	- Đã bổ sung tính toán khối lượng gỗ nguyên liệu, phôi gỗ qua các công đoạn và bổ sung hóa chất sử dụng tại Hình 1.18. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ tại cơ sở và Bảng 1.7. Bảng cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ hiện hữu tại nhà máy chương I của báo cáo.	<b>30-32</b>
3	Công trình xử lý nước thải: Rà soát, đánh giá hiệu quả xử lý đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt mà cơ sở bố trí trước khi tái sử dụng; đồng thời, có kế hoạch/phương án rà soát đường ống thu gom, đảm bảo không rò rỉ ra môi trường.	- Đã rà soát, đánh giá hiệu quả xử lý đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt mà cơ sở bố trí trước khi tái sử dụng tại chương II và Chương V của báo cáo.	<b>52-53 110-114</b>
4	Bổ sung bảng cân bằng nước trong	- Đã bổ sung bảng cân bằng nước	<b>36</b>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	báo cáo.	trong báo cáo tại Bảng 1.10. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy chương I của báo cáo.	
5	Bổ sung thông số kỹ thuật đối với bể lắng ngấm nước thải tại bồn tắm gỗ. Trên cơ sở đó, rà soát, đánh giá tính khả thi đối với việc Công ty đang báo cáo về việc thu gom nước thải phát sinh “01 năm/lần” để chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung thông số kỹ thuật đối với bể lắng ngấm nước thải tại bồn tắm gỗ tại mục 1.2.2. Công trình xử lý nước thải thuộc chương III của Báo cáo.</li> <li>- Nước tại bồn ngấm tắm được tuần hoàn tái sử dụng liên tục, chỉ cấp bù do hao hụt ngấm vào gỗ khả năng lưu chứa của bể lắng lên đến 45 m<sup>3</sup>, đảm bảo lưu chứa hết lượng hóa chất ngấm tắm từ bồn xả xuống chỉ 6,0 m<sup>3</sup> vì vậy khả năng lưu chứa và tái sử dụng nước ngấm tắm gỗ tại cơ sở là phù hợp.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>57-61</b></p> <p style="text-align: center;">--</p>
6	Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Rà soát, đánh giá hiệu quả xử lý đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi hiện hữu; làm rõ các nguồn nguyên liệu sử dụng cho hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát, đánh giá hiệu quả xử lý đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi hiện hữu Chương V của báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung làm rõ các nguồn nguyên liệu sử dụng cho hệ thống tại Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi hiện hữu (kèm theo thuyết minh cụ thể chi tiết) chương III của báo cáo.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>109-122</b></p> <p style="text-align: center;"><b>70</b></p>
7	Đề nghị rà soát, nhận diện đầy đủ các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị, máy móc trong quá trình hoạt động sản xuất;	Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.	<p style="text-align: center;"><b>96-108</b></p>
8	Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, gồm: vị trí, chức năng, các	- Đã bổ sung rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, gồm: vị trí, chức năng,	<p style="text-align: center;"><b>74-84</b></p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	<p>thông số kỹ cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải. Rà soát, đánh giá về diện tích bố trí lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phù hợp theo khối lượng chất thải phát sinh thực tế (100% công suất) tại cơ sở. Rà soát, tách riêng khu vực lưu giữ chất thải và các loại hóa chất, phụ kiện, máy móc khác của cơ sở.</p>	<p>các thông số kỹ cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải tại mục 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và mục 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại chương III của báo cáo.</p> <p>- Đã rà soát, tách riêng khu vực lưu giữ chất thải và các loại hóa chất, phụ kiện, máy móc khác của cơ sở tại Hình 3. 14 Thùng chứa rác sinh hoạt được bố trí tại nhà máy; Hình 3.15. Khu vực lưu chứa mùn cưa và vỏ cây, vụn gỗ; Hình 3.16. Nhà chứa tro xỉ, dây đai thải bỏ được thu gom vào các túi nhựa và Hình 3.17. Hình ảnh thực tế kho chứa chất thải nguy hại tại cơ sở thuộc chương III của Báo cáo.</p>	76-82
9	<p>Đề nghị rà soát khối lượng, các mã chất nguy hại phát sinh theo thực tế và bố trí các thùng chứa, thiết bị lưu chứa có dán mã theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Đề nghị làm rõ khu vực lưu chứa đối với bùn thải phát sinh (nếu có) và phương án thu gom, xử lý theo quy định.</p>	<p>- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chương III của báo cáo.</p>	79
10	<p>Rà soát lại lập danh mục chi tiết của các CTCNKS, CTCNTT (có mã chất thải). Đối với chất thải có ký hiệu phân loại KS, đây là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại để phân</p>	<p>Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp</p>	79

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	<p>định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường. Trường hợp các loại chất thải này chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại (theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022), đề nghị Công ty lưu ý thực hiện và đăng ký cụ thể trong hồ sơ để làm cơ sở quản lý chất thải phát sinh. Bổ sung tần suất thu gom các nhóm chất thải từ cơ sở để đánh giá khả năng lưu giữ của công trình.</p>	<p>thông thường phát sinh chương III của báo cáo.</p>	
11	<p>Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đề nghị rà soát thực hiện theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Đã bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT tại mục 6. công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường chương III của báo cáo.</p> <p>- Cơ sở cũng đã lập Báo cáo phòng ngừa và ứng phó sự cố gửi Sở Công thương để báo cáo và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo quy định đính kèm phụ lục Báo cáo.</p>	<p><b>84-90</b></p> <p><b>Phụ lục Báo cáo</b></p>
12	<p>Đảm bảo an toàn kỹ thuật đối với lò hơi tại cơ sở trong quá trình hoạt động, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường, tài sản và sức khỏe con người.</p>	<p>- Chủ cơ sở cam kết đảm bảo an toàn kỹ thuật đối với lò hơi tại cơ sở trong quá trình hoạt động, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường, tài sản và sức khỏe con</p>	<p>--</p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		người.	
13	Rà soát, nhận diện đầy đủ các nguồn phát sinh chất thải, khối lượng và thực hiện đầy đủ nội dung đề nghị cấp phép môi trường theo mẫu quy định.	- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.	96-108
14	<b>Kết luận:</b> Thống nhất thông qua sau khi đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện đầy đủ các nội dung tại bài nhận xét trên cũng như đầy đủ các nội dung theo góp ý của các thành viên Đoàn kiểm tra.	- Chủ cơ sở cam kết những nội dung chỉnh sửa giải trình tại báo cáo và biên bản giải trình này là đúng sự thật kính đề nghị quý cơ quan ban ngành xem xét cấp GPMT cho Công ty.	--
<b>VIII</b>	<b>Bà Tăng Thị Hồng – Thành viên thư ký</b>		
1	<p>Tại khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “<i>Trường hợp dự án đầu tư hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình thì giấy phép môi trường có thể cấp cho từng giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải. Giấy phép môi trường được cấp sau sẽ tích hợp nội dung giấy phép môi trường được cấp trước vẫn còn hiệu lực</i>”.</p> <p>Tại điểm a khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định: “<i>a) Chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho từng</i></p>	<p>- Chủ cơ sở rà soát lại các căn cứ pháp lý tại Khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ để thực hiện xây dựng lại Báo cáo đề xuất cấp GPMT theo giai đoạn 1 với công suất 40% tương đương 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm.</p> <p>- Chủ cơ sở tiếp thu ý kiến của Đoàn kiểm tra và căn cứ theo các quy định hiện hành đã rà soát, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 với công suất 40% tương đương 3.840 m<sup>3</sup> phôi gỗ/năm.</p> <p>- Đã rà soát và chỉnh sửa toàn bộ nội dung báo cáo với giai đoạn 1 công suất bằng 40% công suất so với ĐTM phê duyệt » 3.840 phôi gỗ/năm.</p>	--

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	<p><i>phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án”.</i></p> <p>Theo hồ sơ báo cáo đề xuất, hiện hữu Công ty đang hoạt động với công suất hiện hữu là 40% nên Công ty chỉ mới xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý triệt để chất thải phát sinh tương ứng với công suất hoạt động của nhà máy. Do vậy, đề nghị chủ dự án rà soát, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 với công suất như báo cáo đề xuất.</p>		
2	<p>Bổ sung đánh giá rõ sự phù hợp về vị trí thực hiện hoạt động của cơ sở so với các quy hoạch sử dụng đất của địa phương đã được phê duyệt, quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy định về phân vùng môi trường.</p>	<p>- Đã bổ sung đánh giá rõ sự phù hợp về vị trí thực hiện hoạt động của cơ sở so với các quy hoạch sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ và địa phương tại mục 1, chương II của báo cáo.</p>	46-48
3	<p>Rà soát, đánh giá rõ hiện trạng hoạt động của cơ sở, việc đầu tư, vận hành các hạng mục công trình của cơ sở.</p>	<p>- Đã rà soát, đánh giá hiện trạng hoạt động của cơ sở việc đầu tư, vận hành các hạng mục công trình tại Bảng 1.2. Hiện trạng cơ sở, sự phù hợp với chứng nhận đầu tư, tên gọi và phạm vi đề nghị cấp GPMT chương I của báo cáo.</p>	13-16
4	<p>Làm rõ phương án tái sử dụng nước thải của cơ sở và cơ sở chứng minh đảm bảo phù hợp quy định pháp luật; tính toán có cơ sở cân bằng nhu cầu sử dụng nước; cụ thể phương án tái sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và quy chuẩn áp dụng.</p>	<p>- Đã làm rõ phương án tái sử dụng nước thải của cơ sở và cơ sở chứng minh đảm bảo phù hợp quy định pháp luật; đã tính toán có cơ sở cân bằng nhu cầu sử dụng nước tại bảng 1.10, Chương I của Báo cáo;</p> <p>- Đã tính toán cụ thể phương án tái</p>	36

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		sử dụng nước đối với từng mục đích sử dụng và quy chuẩn áp dụng tại mục 1.2.2. Công trình xử lý nước thải chương III của báo cáo.	57-60
5	Đối với các hạng mục công trình thực tế xây dựng (bao gồm cả phần công trình có thay đổi và bố trí vào trong nhà xưởng 1, cần thể hiện cụ thể diện tích, đồng thời làm rõ khi thực hiện 100% công suất thì các hạng mục công trình của dự án sẽ bố trí như thế nào, cần đánh giá sự phù hợp.	<p>- Đã rà soát và bổ sung các hạng mục công trình xây dựng thực tế hoạt động với công suất 40% tại bảng Bảng 1.12. Các hạng mục công trình của Cơ sở thuộc chương I của Báo cáo.</p> <p>- Riêng giai đoạn khi thực hiện 100% công suất theo ĐTM các hạng mục công trình của cơ sở sẽ được đánh giá tác động và đánh giá sự phù hợp theo ĐTM và GPXD tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT ở giai đoạn sau (giai đoạn hoạt động tối đa 100% công suất).</p>	39-42  --
6	Bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất cho hiện tại và khi sản xuất 100% công suất.	- Đã bổ sung sơ đồ cân bằng vật chất tại Hình 1.18. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình sản xuất phôi gỗ tại cơ sở chương I của báo cáo.	30
7	Thuyết minh quy trình vận hành lò hơi. Chủ cơ sở phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành lò hơi và chịu trách nhiệm về thông tin thể hiện tại báo cáo. Công khai thông số kỹ thuật, quy trình vận hành lò hơi tại khu vực lò hơi.	<p>- Đã bổ sung quy trình vận hành lò hơi tại mục 2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy gỗ chương III của báo cáo.</p> <p>- Chủ cơ sở cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành lò hơi và chịu trách nhiệm về thông tin thể hiện tại báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung thông số kỹ thuật, lò hơi tại khu vực lò hơi và các thiết bị máy móc liên quan đến lò hơi tại Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của lò hơi cấp nhiệt cho quá trình sấy gỗ và Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ</p>	65-73  --  65-67

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		thống làm mềm nước cấp cho lò hơi chương III của báo cáo.	
8	<p>Chất thải rắn công nghiệp thông thường: báo cáo có nêu lượng tro xỉ phát sinh từ quá trình đốt củi, đề nghị chỉnh sửa thành “tro củi” cho phù hợp. Ngoài ra, đề nghị làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao).</p>	<p>- Đã rà soát và chỉnh sửa cụm từ “tro xỉ” thành “tro củi” trong toàn bộ Báo cáo đề xuất cấp GPMT.</p> <p>- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chương III của báo cáo.</p> <p>- Cơ sở đã chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định và bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao tại Phụ lục Báo cáo.</p>	<p>--</p> <p><b>79</b></p> <p><b>Phụ lục 02: Các hợp đồng thu gom và xử lý chất thải</b></p>
9	<p>Nội dung cấp phép môi trường: rà soát viết lại nội dung đề nghị cấp phép trên cơ sở đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 01 như góp ý nêu trên.</p>	<p>- Đã rà soát, viết lại nội dung đề nghị cấp phép trên cơ sở đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 01 với công suất như báo cáo đề xuất cấp GPMT chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.</p>	<p><b>96-108</b></p>
10	<p>Vận hành thử nghiệm: Đề nghị chỉnh sửa lại căn cứ đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí</p>	<p>- Đã chỉnh sửa lại căn cứ đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại</p>	

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	<p>thải theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ cho phù hợp. Đề nghị báo cáo mô tả rõ KHVHTN theo quy định tại chương VI của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, trong đó lưu ý: lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.</p>	<p>khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ cho phù hợp. Báo cáo mô tả rõ kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại chương VI của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, trong đó lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở tại chương VI: Kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình quan trắc môi trường của cơ sở của báo cáo.</p> <p>- Đã bổ sung công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm tại Bảng 6.1. Công trình BVMT và thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm chương VI của báo cáo.</p>	<p><b>123-125</b></p> <p><b>123</b></p>
11	<p>Đối với chương kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị viết đầy đủ theo quy định tại chương V của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025</p>	<p>- Đã viết lại chương kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị viết đầy đủ theo quy định tại chương V của mục 9 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 tại Chương V: Kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở của báo cáo.</p>	<p><b>109-122</b></p>
12	<p>Bổ sung đầy đủ kết quả thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tại cơ sở theo ý kiến góp ý</p>	<p>Đã bổ sung đầy đủ kết quả thực hiện quan trắc chất lượng môi trường của cơ sở năm 2024 và năm 2025 tại Phụ lục của Báo cáo.</p>	<p><b>Phụ lục 4: Kết quả quan trắc môi trường</b></p>
13	<p>Bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định</p>	<p>- Đã bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định</p>	

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
	số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.	số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT tại mục 6. công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường chương III của báo cáo.  - Cơ sở cũng đã lập Báo cáo phòng ngừa và ứng phó sự cố gửi Sở Công thương để báo cáo và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo quy định đính kèm phụ lục Báo cáo.	<b>84-90</b>  <b>Phụ lục Báo cáo</b>
14	Đối với các nội dung có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đề nghị nêu rõ các thay đổi nhưng chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi	- Đã bổ sung và làm rõ các nội dung có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đề nghị nêu rõ các thay đổi nhưng chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi tại Bảng 3.8. Các công trình bảo vệ môi trường được điều chỉnh, thay đổi so với ĐTM và mục 7.2. Đánh giá tác động của những nội dung thay đổi so với ĐTM chương III của báo cáo.	<b>91-93</b>
15	Các nội dung tiếp tục thực hiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề nghị làm rõ vào báo cáo (kể cả giai đoạn thi công và vận hành) của các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Giai đoạn khi thực hiện 100% công suất theo ĐTM các hạng mục công trình của cơ sở sẽ được đánh giá tác động và đánh giá sự phù hợp theo ĐTM và GPXD tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT ở giai đoạn sau (giai đoạn hoạt động tối đa 100% công suất).	--

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
16	<p>Đối với các hợp đồng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt chất thải rắn thông thường, cần làm rõ việc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Môi trường Xanh thu gom rác sinh hoạt của công ty, sau đó vận chuyển đi đâu, xử lý như thế nào, Bổ sung hợp đồng ký chuyển giao CTR thông thường của Công ty TNHH TM DV Môi trường Lâm Phát với đơn vị có chức năng xử lý.</p>	<p>- Cơ sở đã chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định và bổ sung đầy đủ hợp đồng, chứng từ thể hiện trong quá trình chuyển giao tại Phụ lục Báo cáo.</p>	<p><b>Phụ lục 02: Các hợp đồng thu gom và xử lý chất thải</b></p>
17	<p>Bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện đầy đủ các hạng mục công trình của cơ sở cho giai đoạn 1; bản vẽ thu gom nước mưa, nước thải thể hiện rõ hướng, tuyến từ điểm phát sinh về hệ thống xử lý nước thải, vị trí, tọa độ đầu nối nước mưa, nước thải, các bản vẽ phải rõ ràng, có chữ ký đóng dấu của chủ dự án, đơn vị thiết kế.</p>	<p>- Đã rà soát; bổ sung đầy đủ các bản vẽ kỹ thuật của hệ thống tại phụ lục đính kèm theo Báo cáo.</p>	<p><b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b></p>
18	<p>Rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng</p>	<p>- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.</p>	<p><b>96-108</b></p>
19	<p>Mô tả rõ hiện trạng việc bố trí diện tích cây xanh trong phạm vi cơ sở, kèm theo bản vẽ đảm bảo đúng tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định</p>	<p>- Đã mô tả rõ hiện trạng việc bố trí diện tích cây xanh trong phạm vi cơ sở tại bảng Bảng 1.12. Các hạng mục công trình của Cơ sở thuộc chương I của Báo cáo. - Đã bổ sung bản bản vẽ đảm bảo đúng tỷ lệ diện tích cây xanh tại phụ Báo cáo.</p>	<p><b>39-42</b> <b>Phụ lục 05: Bản vẽ</b></p>
20	<p>Bổ sung bảng cân bằng nước trong báo cáo.</p>	<p>- Đã bổ sung bảng cân bằng nước trong báo cáo tại Bảng 1.10. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước của</p>	<p><b>36</b></p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		Nhà máy chương I của báo cáo.	
21	Rà soát, đánh giá hiệu quả xử lý đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi hiện hữu; làm rõ các nguồn nguyên liệu sử dụng cho hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát, đánh giá hiệu quả xử lý đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi hiện hữu Chương V của báo cáo.</li> <li>- Đã bổ sung làm rõ các nguồn nguyên liệu sử dụng cho hệ thống tại Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi hiện hữu (kèm theo thuyết minh cụ thể chi tiết) chương III của báo cáo.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>109-122</b></p> <p style="text-align: center;"><b>70</b></p>
22	Đề nghị rà soát, nhận diện đầy đủ các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị, máy móc trong quá trình hoạt động sản xuất, từ đó đề xuất cấp phép cho phù hợp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>96-108</b></p>
23	Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, gồm: vị trí, chức năng, các thông số kỹ cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải. Rà soát, đánh giá về diện tích bố trí lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phù hợp theo khối lượng chất thải phát sinh thực tế tại cơ sở. Rà soát, tách riêng khu vực lưu giữ chất thải và các loại hóa chất, phụ kiện, máy móc khác của cơ sở.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, gồm: vị trí, chức năng, các thông số kỹ cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải tại mục 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và mục 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại chương III của báo cáo.</li> <li>- Đã rà soát, tách riêng khu vực lưu giữ chất thải và các loại hóa chất, phụ kiện, máy móc khác của cơ sở tại Hình 3. 14 Thùng chứa rác sinh hoạt được bố trí tại nhà máy; Hình 3.15. Khu vực lưu chứa mùn cưa và vỏ cây, vụn gỗ; Hình 3.16. Nhà chứa tro xỉ, dây đai thải bỏ được thu gom vào các túi nhựa và Hình 3.17. Hình ảnh thực tế kho chứa chất thải nguy</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>74-84</b></p> <p style="text-align: center;"><b>76-82</b></p>

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		hại tại cơ sở thuộc chương III của Báo cáo.	
24	Đề nghị rà soát khối lượng, các mã chất nguy hại phát sinh theo thực tế và bố trí các thùng chứa, thiết bị lưu chứa có dán mã theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Đề nghị làm rõ khu vực lưu chứa đối với bùn thải phát sinh (nếu có) và phương án thu gom, xử lý theo quy định.	- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chương III của báo cáo.	79
25	Rà soát lại lập danh mục chi tiết của các CTCNKS, CTCNTT (có mã chất thải). Đối với chất thải có ký hiệu phân loại KS, đây là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường. Trường hợp các loại chất thải này chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại (theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022), đề nghị Công ty lưu ý thực hiện và đăng ký cụ thể trong hồ sơ để làm cơ sở quản lý chất thải phát sinh. Bổ sung tần suất thu gom các nhóm chất thải từ cơ sở để đánh giá khả năng lưu giữ của công trình.	- Đã làm rõ khối lượng, chủng loại các loại chất thải rắn thông thường, rà soát mã CTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Bảng 3.6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chương III của báo cáo.	79
26	Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đề nghị rà soát thực hiện theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Đã bổ sung, hoàn thiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; rà soát, nhận diện, dự	

STT	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung, giải trình của Chủ Cơ sở	Trang
		<p>báo nguy cơ xảy ra sự cố và đề xuất giải pháp ứng phó, xử lý cụ thể cho cơ sở theo yêu cầu của Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ NNMT tại mục 6. công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường chương III của báo cáo.</p> <p>- Cơ sở cũng đã lập Báo cáo phòng ngừa và ứng phó sự cố gửi Sở Công thương để báo cáo và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo quy định đính kèm phụ lục Báo cáo.</p>	<p><b>84-90</b></p> <p><b>Phụ lục Báo cáo</b></p>
27	<p>Các nội dung đề nghị cấp phép môi trường: Rà soát, nhận diện đầy đủ các nguồn phát sinh chất thải, khối lượng và thực hiện đầy đủ nội dung đề nghị cấp phép môi trường theo mẫu quy định</p>	<p>- Đã rà soát đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung, từ đó đề xuất đầy đủ các nguồn, dòng thải xả thải ra môi trường, quy chuẩn áp dụng tại mục chương IV: Nội dung đề nghị cấp phép môi trường của báo cáo.</p>	<p><b>96-108</b></p>
28	<p><b>Kết luận:</b> Thống nhất thông qua sau khi đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện đầy đủ các nội dung tại bài nhận xét trên cũng như đầy đủ các nội dung theo góp ý của các thành viên Đoàn kiểm tra.</p>	<p>- Chủ cơ sở cam kết những nội dung chỉnh sửa giải trình tại báo cáo và biên bản giải trình này là đúng sự thật kính đề nghị quý cơ quan ban ngành xem xét cấp GPMT cho Công ty.</p> <p>- Chủ cơ sở đã đính kèm đầy đủ pháp lý và hình ảnh tại Báo cáo đề xuất cấp GPMT.</p>	<p>--</p>